

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 6 - 2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên.

2. Bà Nguyễn Thị Như Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T** - sinh năm 1991

Trú tại: Xóm 3, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh **Lại Văn H** - sinh năm 1983

Trú tại: Thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Phạm Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V huyện K tỉnh Thái Bình ngày 16/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ chồng ở thôn H xã V được một thời gian ngắn đến ngày 03/02/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không tôn trọng và thường xuyên xúc phạm chị nên đời sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Đến ngày 05/02/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 3 thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh

Thái Bình sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Hiệp không có con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn là anh Lại Văn H vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai.

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 30/3/2017 cung cấp cho biết: Anh Lại Văn H sinh năm 1983 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H xã V có vợ là chị Phạm Thị T, sinh năm 1991; trú tại thôn T xã Đ huyện Đ. Anh H và chị T sau khi kết hôn được một thời gian ngắn đã thấy chị T bỏ về nhà mẹ đẻ nên địa phương cũng không nắm rõ lý do. Hiện nay anh H đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về thăm gia đình nên không thuộc diện khai báo tạm vắng.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2017 của ông Lại Văn N và bà Đặng Thị H(bố mẹ đẻ anh H) đều trú tại thôn H xã V huyện K cho biết: Anh H và chị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn có đăng ký tại UBND xã V vào ngày 16/01/2017. Sau khi kết hôn được 03 ngày thì chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đ, huyện Đ, gia đình có hỏi lý do thì chị T nói do vợ chồng không hợp. Khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị T xin ly hôn, ông bà có gọi điện báo cho anh H nhưng do bận công việc anh H không về được, anh H có nói với ông bà quan điểm là đồng ý ly hôn với chị T và không đến Tòa án được.

Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lại Văn N để ông N giao cho anh H. Ông N đã nhận các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa án và cam kết giao các văn bản trên cho anh H.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn là anh Lại Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V huyện K tỉnh Thái Bình, hiện không có mặt ở địa phương nhưng vẫn liên hệ và thường xuyên về thăm gia đình nhưng không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã V và lấy lời khai của bố mẹ đẻ bị đơn để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị T và anh H có chứng nhận kết hôn đúng quy định của pháp luật, nên đó là quan hệ hợp pháp. Vợ chồng sống chung thời gian rất ngắn đã phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không có sự thông cảm và nhường nhịn nhau. Đến nay cả hai vợ chồng đều không quan tâm đến nhau. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh H không có con chung nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh H chưa có lời khai tại Tòa án nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

- Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lại Văn H.
2. *Về con chung:* Không đặt ra giải quyết.
3. *Về tài sản chung:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000616 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đức